

Bản án số: 299/2024/DS-PT
Ngày: 23 - 12 - 2024
“V/v tranh chấp đòi lại tài sản
và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản và chia tài sản chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 393/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L T T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: số 218A, khóm Tân Bình, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thanh Thúy, theo văn bản ngày 02/12/2024: Bà Nguyễn Thị Hồng Thơ, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Bà L T B, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: số 218A, khóm Tân Bình, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông L C H, sinh năm 1994; *Người đại diện của ông Hiếu, theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2023:* Bà L T B, sinh năm 1961 (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà L T B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong các đơn khởi kiện ngày 05/4/2023; 23/5/2023; 18/6/2023 của nguyên đơn L T T và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn với bị đơn có mối quan hệ là mẹ con; quan hệ với L C H là chị em ruột. Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2015/DS-ST ngày 15/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xét xử phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 68 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp Tân Bình, xã Tân Hội (nay là khóm Tân Bình, phường Tân Hội), thành phố Vĩnh Long. Theo đó, nội dung quyết định bản án đã tuyên: Lê Thanh Thúy và L C H được sử dụng phần đất thửa 68-1 diện tích 1.543,8m² và thửa số 69-1 diện tích 447,9m².

Sau khi Bản án số 89/2015/DS-ST ngày 15/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật, bà L T B đã thực hiện nghĩa vụ đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm, mua cọc cấm đo đạc diện tích đất theo bản án thay cho Hiếu và Thúy để yêu cầu Cơ quan thi hành án và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án. Bà Bình đã nộp tiền án phí thay bà Thúy và mua cọc để cấm ranh theo đo đạc hết số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, bà Bình làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thay cho Thúy và Hiếu. Ngày 28/11/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 41, tờ bản đồ số 26, diện tích 447,9m² đất cây lâu năm, số phát hành CL 718851 cho Lê Thanh Thúy cùng sử dụng đất chung với L C H và thửa số 43 tờ bản đồ số 26, diện tích 1.543,8m² đất cây lâu năm, số phát hành CL 718854 cho Lê Thanh Thúy cùng sử dụng đất chung với L C H. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Lê Thanh Thúy xong thì bà Bình cất giữ bản chính không giao cho bà Thúy, bà Thúy nhiều lần yêu cầu bà Bình giao lại bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 41 và thửa số 43 nhưng bà Bình không giao trả.

Nay bà Thúy yêu cầu bà Bình giao trả bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 41 và thửa số 43 nêu trên, bà Thúy sẽ trả bà Bình số tiền 10.000.000 đồng mà bà Bình đã bỏ ra nộp thay nghĩa vụ án phí, mua trụ đá để cắm ranh khi đo đạc để cấp quyền sử dụng đất. Ngoài ra, yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà và L C H đối với 02 thửa đất số 41 và thửa đất số 43 nêu trên. Đến ngày 26/7/2024, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà và L C H đối với 02 thửa đất số 41 và thửa đất số 43 nêu trên.

Tại đơn phản tố ngày 25/12/2023 của bị đơn bà L T B và trong quá trình giải quyết bị đơn trình bày:

Bà đồng ý trả cho bà Thúy bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 41 và thửa số 43; yêu cầu bà Thúy trả lại số tiền 49.670.000 đồng, gồm các khoản 7.150.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ của bà Thúy đối với bản án chia thừa kế, 2.400.000 đồng tiền mua trụ đá và đo đạc để làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất xác lập theo bản án số 89/2015/DS-ST ngày

15/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Do không có tiền nộp án phí thay cho bà Thúy và tiền mua trụ đá để tiến hành đo đạc cắm mốc ranh nên bà Bình vay tiền ngân hàng và vay tín dụng đen bên ngoài với lãi suất cao, nhưng sau đó bà Thúy không trả lại. Nay bà Bình yêu cầu bà Thúy trả số tiền tổng cộng là 49.670.000 đồng.

Bà L T B đại diện theo ủy quyền của L C H trình bày: Ông Hiếu không có yêu cầu độc lập. Ông Hiếu thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà L T B trả lại cho bà Lê Thanh Thúy bản chính 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 41, tờ bản đồ số 26, diện tích 447,9m² đất cây lâu năm, số phát hành CL 718851 và thửa đất số 43 tờ bản đồ số 26, diện tích 1.543,8m² đất cây lâu năm, số phát hành CL 718854 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lê Thanh Thúy cùng sử dụng đất chung với ông L C H.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đòi chia quyền sử dụng đất 02 thửa đất số 41 và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26 đối với ông L C H. Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn L T B: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thanh Thúy trả cho bà L T B số tiền 20.000.000 đồng; không chấp nhận 01 phần yêu cầu của bị đơn đòi nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/10/2024 bà L T B kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 45.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà L T B trình bày: Giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà Lê Thanh Thúy trả số tiền 45.000.000 đồng. Bản chính hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp thì bà Bình đang giữ và đồng ý trả cho bà Thúy.

- Bà Lê Thanh Thúy trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L T B. Đồng ý trả cho bà Bình số tiền 20.000.000 đồng.

- Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thanh

Thúy trình bày: Yêu cầu của bà L T B là không có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà L T B

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long:

Về án phí: Bà L T B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 09/10/2024 của bà L T B còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2015/DS-ST ngày 15/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định bà Lê Thanh Thúy và ông L C H được sử dụng phần đất thửa 68-1 diện tích 1.543.8m², thửa 69-1 diện tích 447,9m²; buộc Lê Thanh Thúy và L C H phải nộp 14.003.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 718851, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08298, thửa đất số 41, tờ bản đồ số 26, diện tích 447,9m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Tân Bình, xã Tân Hội (nay là khóm Tân Bình, phường Tân Hội), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lê Thanh Thúy, cùng sử dụng đất với ông L C H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 718854, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08301, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.543,8m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Tân Bình, xã Tân Hội (nay là khóm Tân Bình, phường Tân Hội), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 28/11/2017 cho bà Lê Thanh Thúy, cùng sử dụng đất với ông L C H. Bà L T B thừa nhận đang giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của bà Lê Thanh Thúy và

bà Bình cũng đồng ý trả cho bà Thúy. Vì vậy, bà Thúy yêu cầu bà Bình trả hai Giấy chứng nhận nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 06/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thì bà L T B đã nộp thay cho Lê Thanh Thúy và L C H số tiền 14.003.000 đồng. Ngày 10/01/2017, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long đã xác nhận là bà Lê Thanh Thúy và ông L C H đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Trong số tiền án phí 14.003.000 đồng thì phần của bà Thúy một nửa là 7.001.500 đồng, số tiền này bà Bình đã nộp thay cho bà Thúy và bà Bình đã bỏ ra 2.400.000 đồng tiền mua trụ đá và đo đạc để làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất cho bà Thúy. Nay bà Thúy đồng ý trả cho bà Bình số tiền 20.000.000 đồng, bao gồm gần 10.000.000 đồng mà bà Bình đã bỏ ra nộp thay nghĩa vụ án phí, mua trụ đá để cắm ranh khi đo đạc để cấp quyền sử dụng đất và số còn lại là phụ bà Bình đóng lãi theo lãi suất ngân hàng là đã đảm bảo quyền lợi cho bà Bình nên được chấp nhận. Bà Bình yêu cầu bà Thúy phải chịu tiền lãi theo lãi tín dụng đen là không có căn cứ chấp nhận. Vì bà Bình nộp tiền án phí và mua trụ đá cho bà Thúy là sự tự nguyện của bà Bình, còn bà Bình vay tiền tín dụng đen là không có sự thỏa thuận với bà Thúy.

Cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của bà L T B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L T B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thanh Thúy là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L T B; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thanh Thúy đòi

chia quyền sử dụng đất 02 thửa đất số 41 và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26 đối với ông L C H. Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của là Lê Thanh Thúy: Buộc bà L T B phải trả cho bà Lê Thanh Thúy 02 (hai) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 718851, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08298, thửa đất số 41, tờ bản đồ số 26, diện tích 447,9m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Tân Bình, xã Tân Hội (nay là khóm Tân Bình, phường Tân Hội), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lê Thanh Thúy, cùng sử dụng đất với ông L C H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 718854, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08301, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.543,8m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Tân Bình, xã Tân Hội (nay là khóm Tân Bình, phường Tân Hội), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 28/11/2017 cho bà Lê Thanh Thúy, cùng sử dụng đất với ông L C H.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn L T B:

- Buộc bà Lê Thanh Thúy phải trả cho bà L T B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà L T B đòi nguyên đơn bà Lê Thanh Thúy trả số tiền 25.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thanh Thúy và bà L T B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà L T B được miễn án phí phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND thành phố Vĩnh Long: 01;
- THADS thành phố Vĩnh Long: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình

Nguyễn Thành Đăng

Nguyễn Văn Dũng

